

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 730/2020/HCPT

Ngày: 10-12-2020.

*V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai
và yêu cầu công nhận quyền sử dụng
đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Thụy Vũ

Các Thẩm phán:

Ông: Trần Văn Mười

Bà: Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà: Hoàng Thị Kim Nhi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Bà: Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 407/2020/TLPT-HC ngày 04 tháng 8 năm 2020 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3674/2020/QĐPT-HC ngày 05 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số 444B, khu phố N, phường L, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố T, tỉnh Bình Dương và Chủ tịch UBND thành phố T.

Địa chỉ: Phường Lu, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh T, chức vụ Chủ tịch UBND thành phố T; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Thuận An;

Địa chỉ: Khu phố Chợ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Phú N, chức vụ Chủ tịch UBND phường L, thành phố T; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1956; có mặt.
2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; vắng mặt
3. Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1983; vắng mặt
4. Ông Phạm Đình Đ, sinh năm 1993; vắng mặt.

Ông T, bà H, bà T và ông Đ cùng địa chỉ: Số 102, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

5. Ông Nguyễn Văn Mh, sinh năm 1969; vắng mặt
6. Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1972; vắng mặt.
7. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1969; vắng mặt.
8. Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1972; vắng mặt

Ông M, bà M, ông T và bà H cùng địa chỉ: Số 136, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Người kháng cáo: người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Người khởi kiện ông Nguyễn Văn P trình bày:**

Ngày 19/3/2002, ông Nguyễn Văn T có sang nhượng cho ông Phạm Văn T một phần đất có diện tích 1.096m², tại thửa đất số 18 +184, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh bình Dương.

Ngày 19/5/2014, ông Phạm Văn T lập một tờ giấy viết tay chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn P sử dụng, diện tích 548m² (ngang 14m, dài 38m); đến ngày 03/6/2014, vợ chồng ông Nguyễn Văn M (con ông Nguyễn Văn T chết năm 2004) tiếp tục lập một giấy viết tay chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn P phần đất còn lại tại thửa số 18+184 tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh bình Dương.

Quá trình sử dụng đất ông P có nộp thuế sử dụng đất và xây dựng nhà ở trên đất ổn định đến nay.

Để thực hiện quyền nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định nên ông Nguyễn Văn P có làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nhưng ông P không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bị UBND thành phố T xử phạt vi phạm hành chính buộc ông P phải tháo dỡ hàng rào

và trả lại đất cho UBND phường L quản lý diện tích 1.096m². Vì vậy, ông Nguyễn Văn P yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử:

Hủy Quyết định số 3755/QĐ-CCXP ngày 27/6/2019 của UBND thị xã T. Yêu cầu Tòa án tuyên buộc UBND thành phố T công nhận thửa đất có diện tích 1.096m² tọa lạc tại khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương thuộc quyền quản lý sử dụng của ông P và yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, ông Nguyễn Văn P làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 131/UBND-KT ngày 25/4/2019 của UBND phường L về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn P.

*** Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T, Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:**

Theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 và Chương trình làm việc của UBND thành phố nên Chủ tịch UBND thành phố không thể tham gia phiên tòa nêu trên. Do đó, đề nghị được giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến trình bày của Chủ tịch UBND thành phố T như sau:

Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3755/QĐ-CCXP ngày 27/6/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T.

Phần đất ông Nguyễn Văn P bị xử phạt vi phạm hành chính thuộc thửa đất số 18+184, tờ bản đồ số 9 nằm trong quy hoạch Trung tâm hành chính thị xã (nay là thành phố) T và ông P chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ khoản 2 Điều 3 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, ngày 16/11/2018 UBND phường L tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông P với hành vi chiếm đất và tổ chức thi công xây dựng công trình khác và tham mưu UBND thành phố T ban hành quyết định xử phạt đối với hành vi nêu trên. Theo đó, ngày 22/11/2018, chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 7546/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông P là đúng quy định.

Căn cứ hồ sơ pháp lý liên quan và quá trình làm việc đối với ông P, UBND phường L ban hành Tờ trình số 203/TTr-UBND ngày 25/6/2019 đề nghị UBND thành phố T ban hành quyết định cưỡng chế đối với ông P.

Ngày 27/6/2019, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3755/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông P là đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Đối với yêu cầu UBND thành phố cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 18+184, tờ bản đồ số 9, khu phố Đ, phường L.

Ngày 21/3/2019, ông Phạm Văn P có đơn yêu cầu UBND phường L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất diện tích 1.096m² thuộc thửa đất số 18+184, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại khu phố Đ, phường L.

Ngày 25/4/2019, UBND phường L ban hành Công Văn số 131/UBND-KT về trả lời đơn của ông Nguyễn Văn P; theo đó phần đất ông Phúc yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đủ điều kiện để cấp được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013.

Từ những cơ sở trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T, Ủy ban nhân dân thị xã T, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P.

**** Người bị kiện Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T trình bày:***

Ngày 21/3/2019, ông Nguyễn Văn P có đơn yêu cầu UBND phường L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất diện tích 1.096m² thuộc thửa đất số 18+184, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại khu phố Đ, phường L.

Ngày 25/4/2019, UBND phường L ban hành Công Văn số 131/UBND-KT về trả lời đơn của ông Nguyễn Văn P; theo đó căn cứ điểm a khoản 1, Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013 thì phần đất ông P không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên đây là ý kiến của UBND phường L, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

**** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Tài trình bày:***

Ngày 19/5/2014, ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H có lập một giấy viết tay chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn P diện tích 548m² đất thổ mộ tại khu phố Đ, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương, diện tích đất này ông T tự thỏa thuận chuyển nhượng bằng giấy tay của ông Nguyễn Văn T vào năm 2002 (ông T đã chết vào năm 2004). Ông T có lập thủ tục xin đăng ký kê khai quyền sử dụng đất tại các cơ quan có thẩm quyền nhưng không được chấp nhận với lý do đất thổ mộ. Hiện nay, ông T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông P.

Bà Nguyễn Thị H; bà Phạm Thị Thanh T, ông Phạm Đình Đ, ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị Tuyết M, ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị Minh H được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng các ông bà vắng mặt nên không có bản tự khai.

**** Tại bản án hành chính sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:***

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P đối với các yêu cầu:

+ Hủy Quyết định số 3775/QĐ-CCXP ngày 27/6/2019 của Chủ tịch UBND thị xã (nay là thành phố) T nay về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Văn P;

+ Hủy Công văn số 131/UBND-KT ngày 25/4/2019 của UBND phường L, thành phố T về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn P.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố T, tỉnh Bình Dương công nhận thửa đất có diện tích 1.096m² tọa lạc tại khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Phúc và yêu cầu UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn P do không thuộc thẩm quyền giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 25/6/2020 người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của ông.

Ông P cung cấp các tài liệu về quá trình ông Phạm Văn T là người sử dụng đất trước khi chuyển nhượng cho ông được bồi thường khi nhà nước mở rộng lộ ngang qua đất để yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Phạm Văn T xác định năm 2014 ông có lập giấy tay chuyển nhượng 548m² đất tại khu phố Đ, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương cho ông Nguyễn Văn P. Nguồn gốc đất là do ông nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn T năm 2002 bằng giấy tay và đã đăng ký kê khai quyền sử dụng đất nhưng không được chấp nhận. Ông có được nhà nước bồi thường một phần cây trồng và vật kiến trúc trên đất do có một phần đất bị ảnh hưởng khi mở rộng đường. Ông không có ý kiến đối với kháng cáo và việc khởi kiện của ông P.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định. Kháng cáo của ông P là trong hạn luật định. Về nội dung kháng cáo: Ông P khởi kiện với các yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế số 3755/QĐ-CCXP ngày 27/6/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T; hủy Công văn số 131/UBND – KT ngày 25/4/2019 của Chủ tịch UBND phường L, thành phố T về việc trả lời đơn của ông P yêu cầu và yêu cầu tòa án buộc UBND thành phố T công nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.096m² tọa lạc tại khu phố Đ, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương cho ông Nguyễn Văn P. Các yêu cầu này bị án sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận nên ông P kháng cáo toàn bộ bản án. Xét: Năm 2014 ông P mới nhận chuyển nhượng đất của ông Phạm Văn T 448m². Nguồn gốc đất này do ông Tài nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn T từ năm 2002. Phần đất còn lại trong số 1.096 m² ông P đề cập là do nhận chuyển nhượng từ con trai ông Nguyễn Văn T là Nguyễn Văn M. Các giao dịch đều bằng giấy tay. Đất vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng cho bất cứ cá nhân nào vì là đất thổ mộ. Do ông P đã xây dựng công trình trên đất mà không được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền nên bị xử phạt vi phạm hành chính bởi Quyết định số 7546/QĐ-XPVPHC ngày 22/11/2018 của Chủ tịch UBND thị xã T. Ông Phúc không khiếu nại quyết định này và không thi hành quyết định nên Chủ tịch UBND thị xã T tiếp tục ban hành Quyết định cưỡng chế số 3755.

Qua xem xét về trình tự thủ tục ban hành và nội dung các quyết định trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật tại Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định 166/2013/NĐ - CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định 3755 là có căn cứ.

Đối với yêu cầu hủy Công văn 131/UBND-KT ngày 25/4/2019 của UBND phường L do tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và giải trình của UBND phường L thể hiện đất ông P yêu cầu UBND phường L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất nghĩa trang do UBND phường L quản lý, ông P đã nhận chuyển nhượng bằng giấy tay từ ông M, ông Tài không đúng quy định của pháp luật nên không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có cơ sở để hủy công văn này.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thủ tục hành chính và là hoạt động công vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Tòa án không có thẩm quyền buộc cơ quan này phải thực hiện nên yêu cầu của ông P về việc buộc UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất là không có căn cứ để chấp nhận. Ông P có quyền liên hệ với UBND cấp có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu có đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng thửa đất nêu trên.

Ông P kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào mới, các tài liệu ông cung cấp tại phiên tòa không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án này nên không có cơ sở xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm đã được tiến hành đúng quy định. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn có đương sự vắng mặt và có đương sự yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/02/2020, ông Nguyễn Văn P yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương hủy Quyết định số 3775/QĐ-CCXP ngày 27/6/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Bình Dương về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và hủy

Công văn 131/UBND-KT ngày 25/4/2020 của Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T về việc trả lời đơn ông P.

Theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện ông Nguyễn Văn P sử dụng thửa đất số 18 + 184, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại Khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Quá trình sử dụng đất ông Phúc đã xây dựng công trình cột thép, cây, vách tole và mái lá với diện tích 144,85m² và ngày 21/9/2018 đã bị UBND phường L lập biên bản kiểm tra yêu cầu tháo dỡ toàn bộ công trình. Ông P không ký tên vào biên bản này.

Đến ngày 08/11/2018, UBND phường L lập biên bản kiểm tra hiện trạng công trình xây dựng căn nhà lá diện tích 72m² tại thửa đất nêu trên và yêu cầu ông Phúc tháo dỡ toàn bộ công trình, ông Phúc không ký tên vào biên bản .

Đến ngày 16/11/2018, UBND phường L tiếp tục lập Biên bản kiểm tra vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC trong lĩnh vực đất đai và xây dựng, sau đó lập tờ trình số 468/TTr-UBND ngày 21/11/2018 trong lĩnh vực đất đai và xây dựng gửi đến UBND thị xã T (nay là thành phố T).

Trên cơ sở tờ trình số 468/TTr-UBND ngày 21/11/2018, UBND thị xã T đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7546/QĐ-XPVPHC ngày 22/11/2018 về việc xử phạt hành chính đối với ông P trong hoạt động xây dựng và đất đai. UBND phường L đã lập biên bản chuyển fax nhanh bảo đảm gửi Quyết định 7546 cho ông P vào các ngày 10/12/2018, 29/12/2018 và 07/01/2019. Đến ngày 11/01/2019, UBND phường L ban hành thông báo số 21/TB-UBND về việc thực hiện Quyết định xử phạt hành chính số 7546. Thông báo này được giao cho ông P vào ngày 17/01/2019. Ông Phúc có ký nhận thông báo nhưng không khiếu nại nên đến ngày 27/6/2019, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3755/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Xét thủ tục ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7546 là đúng thẩm quyền và trình tự ban hành, còn trong thời hiệu xử phạt theo khoản 1 Điều 6 và Điều 38, 52, 54 Luật Xử lý vi phạm hành chính; về hành vi vi phạm và hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục là đúng quy định theo Điều 77 Nghị định 139/2017/NĐ-CP và Điều 31 Nghị định 102/2014/NĐ- CP.

Quyết định cưỡng chế 3755/QĐ-CCXP ngày 27/6/2019 của Chủ tịch UBND thành phố T đã được thực hiện là đúng thẩm quyền ban hành và đúng hình thức theo quy định tại Điều 33 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Về nội dung Quyết định 3755 được ban hành trên cơ sở các biên bản kiểm tra và biên bản vi phạm được lập bởi UBND phường L đối với hành vi tổ chức thi công công trình xây dựng không có giấy phép xây dựng quy định tại điểm a khoản 5 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ và Quyết

định xử phạt Vi phạm hành chính số 7546. Thực tế ông P đã 02 lần bị lập biên bản và bị yêu cầu tháo dỡ công trình nhưng không thực hiện. Hơn nữa, thửa đất số 18+184 ông sử dụng xây dựng công trình không phép là đất nghĩa địa cũ được bóc mộ do UBND phường L quản lý nằm trong quy hoạch Khu Trung tâm chính trị - Hành chính thị xã T. Đây là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở (theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ).

Do vậy, Quyết định cưỡng chế số 3755 buộc ông P thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là có căn cứ, hợp pháp vì phù hợp với quy định tại Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 2 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Thứ hai, ông P yêu cầu hủy công văn 131/UBND-KT ngày 25/4/2019 của UBND phường L có nội dung trả lời đơn yêu cầu cấp quyền sử dụng đất cho ông đối với diện tích 1.906m² thuộc thửa 18+184 thì thấy: theo quy định của Luật Đất đai Ủy ban nhân phường, xã không có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hơn nữa, các tài liệu chứng cứ và lời khai của các đương sự thể hiện diện tích đất nêu trên có nguồn gốc từ đất nghĩa trang, thuộc quyền quản lý của UBND phường L. Phần đất này ông P đã nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Văn T và Nguyễn Văn M bằng giấy tay nên không đúng quy định pháp luật và không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013. Nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu hủy Công văn 131.

Việc yêu cầu tòa án buộc UBND thị xã T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.906m² tại thửa 18+184 từ bản đồ số 9 tọa lạc tại khu phố Đ, phường L không thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án vì các hành vi công vụ chỉ được thực hiện bởi cơ quan được giao thẩm quyền. Với các tài liệu ông Phúc và ông T xuất trình có liên quan đến việc ông Tài được bồi thường hỗ trợ khi nhà nước mở rộng đường đi là phần bồi thường hoa màu, vật kiến trúc trên đất chứ không bồi thường về đất. Các tài liệu này không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ kiện này. Ông P có quyền đến các cơ quan có thẩm quyền về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để yêu cầu nếu đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như các phân tích trên, án sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật tuyên xử không chấp nhận các yêu cầu của người khởi kiện đồng thời đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc UBND thành phố T công nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 18+184 của ông Phúc là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Theo nội dung đơn ngày 25/6/2020 và tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn P yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông. Xét ông P không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào mới so với giai đoạn xét xử sơ

thẩm. Về nội dung vụ án như nhận định trên thì yêu cầu khởi kiện của ông là không có cơ sở. Án sơ thẩm đã xét xử đúng quy định nên Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông P phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Áp dụng: Điều 30, 32, 55, 98, 115, 116, 134, điểm h khoản 1 Điều 143, Điều 164 và điểm a khoản 2 Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P đối với các yêu cầu:

+ Hủy Quyết định số 3755/QĐ-CCXP ngày 27/6/2019 của Chủ tịch UBND thị xã (nay là thành phố) T về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Văn P;

+ Hủy Công văn số 131/UBND-KT ngày 25/4/2019 của UBND phường L, thành phố T về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn P.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố Tn, tỉnh Bình Dương công nhận thửa đất có diện tích 1.096m² tọa lạc tại khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Phúc và yêu cầu UBND thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn P do không thuộc thẩm quyền giải quyết.

Án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Văn P phải chịu là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền ông P đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 044643 ngày 29/6/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;

- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Đường sự;
- Lưu HS, VT.

Nguyễn Thị Thụy Vũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mười

Phạm Thị Duyên

Nguyễn Thị Thụy Vũ